

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản thị trường đi ngang

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn

## [Thông tin doanh nghiệp]

FMC, TNG

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

05/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,277.35	-0.25
VN30	1,298.15	-0.25
HĐTL VN30F1M	1,286.00	-0.61
HNXIndex	292.82	+0.31
HNX30	530.32	+0.51
UPCoM	91.78	-0.71
USD/VND	23,519	+0.32
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.57	+2
Lãi suất qua đêm (%)	4.76	+109
Dầu (WTI, \$)	89.07	+2.53
Vàng (LME, \$)	1,712.93	+0.04



# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,277.35 (-0.25%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>524.7 (+21.4%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>569.8 (+5.2%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>292.82 (+0.31%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>68.9 (+0.7%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>57.8 (-16.2%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>91.78 (-0.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>30.7 (-14.1%)</b>
<b>GTGD (triệu U\$)</b>	<b>23.3 (-13.9%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu U\$)</b>	<b>-15.7</b>

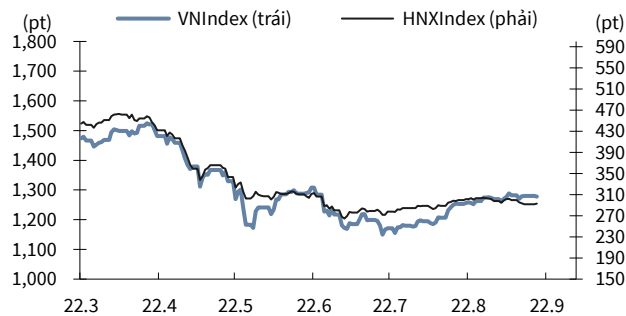
TTCK Việt Nam giảm điểm vào cuối phiên với thanh khoản thị trường đi ngang ở mức thấp trước sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng và khu công nghiệp. Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung ở NVL (-0.5%), VCB (-1.7%), SSI (-1.3%).

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới trước thông tin tỷ lệ lạm phát của Khu vực Eurozone trong tháng 8 tăng lên mức kỷ lục 9.1% và ECB sẽ mạnh tay trong đợt tăng lãi suất sắp tới.

Thông tin chi phí năng lượng tăng cao khiến các nhà máy thép ở châu Âu đang phải cắt giảm sản lượng, thậm chí đóng cửa giúp cổ phiếu nhóm thép tăng giá ở HSG (+7%), NKG (+6.8%).

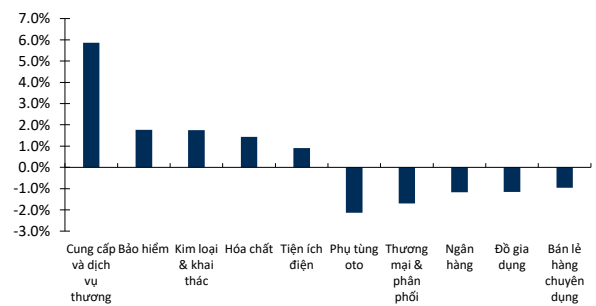
Theo số liệu Tổng cục Hải quan, ước tính kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 8/2022 đạt khoảng 210 nghìn tấn (+11% YoY) tương ứng trị giá 320 triệu USD (+3% YoY), tăng 6.9% về lượng và tăng 0.3% về trị giá so với tháng 7/2022. Thông tin trên tác động tích cực đến nhóm cao su ở PHR (+2.1%), DPR (+0.5%).

## VNIndex & HNXIndex



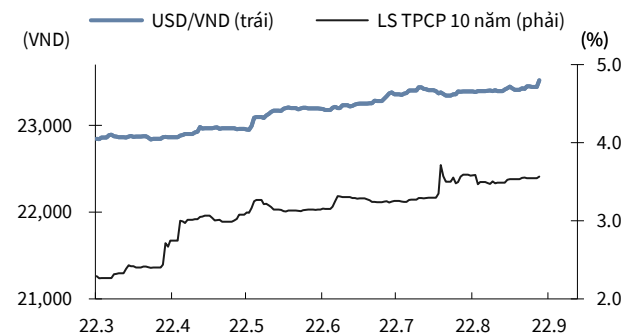
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



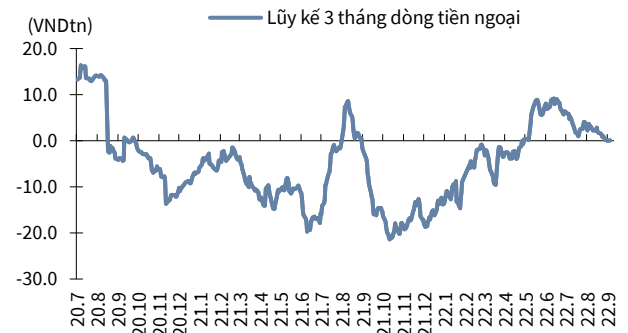
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

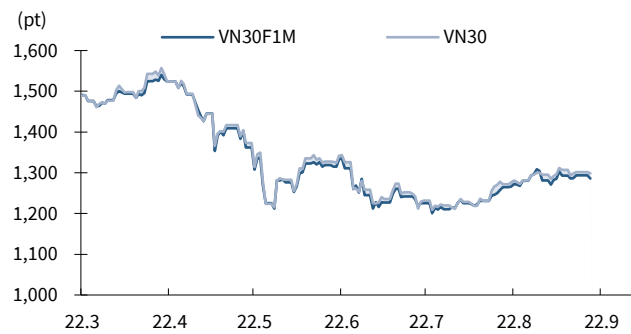
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,298.15 (-0.25%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,286.0 (-0.61%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,294.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,298.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,282.5</b>

Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -6.84 điểm và biến động mạnh trong phiên với biên độ âm xuống thấp nhất ở mức -12.9 điểm, trước khi đóng cửa ở mức - 12.1 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

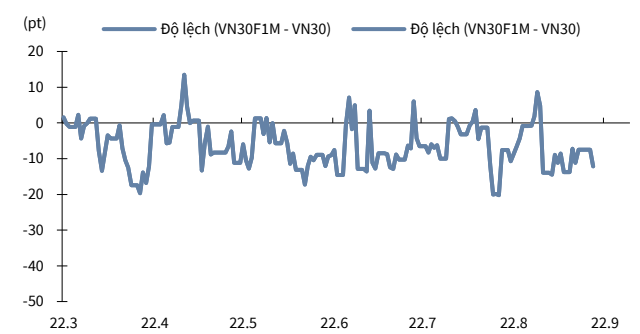
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>238,577 (-8.7%)</b>
------------------	------------------------

**HĐTL VN30F1M & VN30**



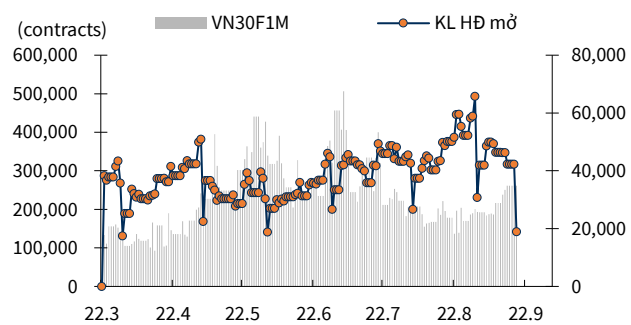
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



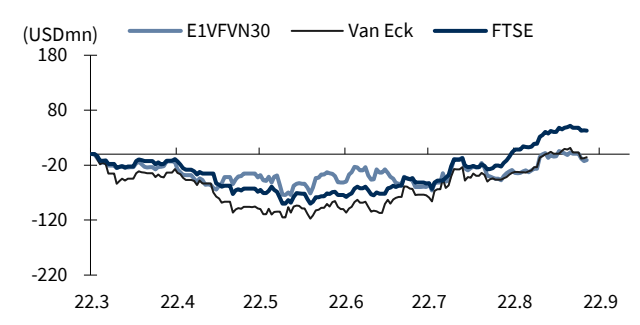
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

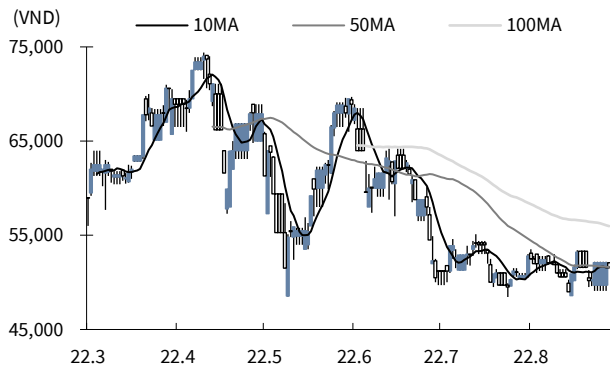
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

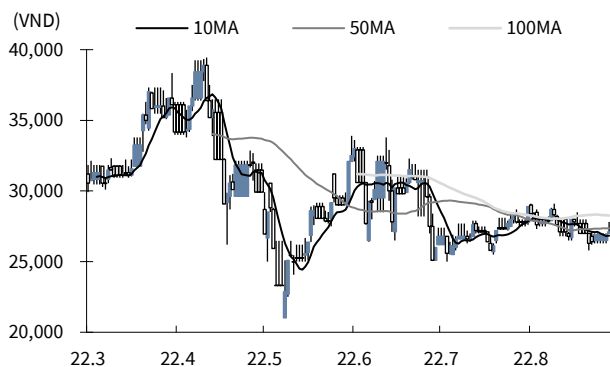


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 0.96% xuống 51,600 VND/cp

- Thực phẩm Sao Ta công bố sản lượng tôm thành phẩm chế biến 8 tháng đạt 14,563 tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2021, tôm thành phẩm tiêu thụ 13,253 tấn, tăng 13.4% YoY và nông sản tiêu thụ 1,384 tấn, tăng 28% so cùng kỳ năm 2021. Theo đó, doanh số tiêu thụ chung ghi nhận 161.9 triệu USD (~ 3.807 tỷ đồng), tăng 21.8% so cùng kỳ năm 2021 và đạt 70.4% kế hoạch năm.

## CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

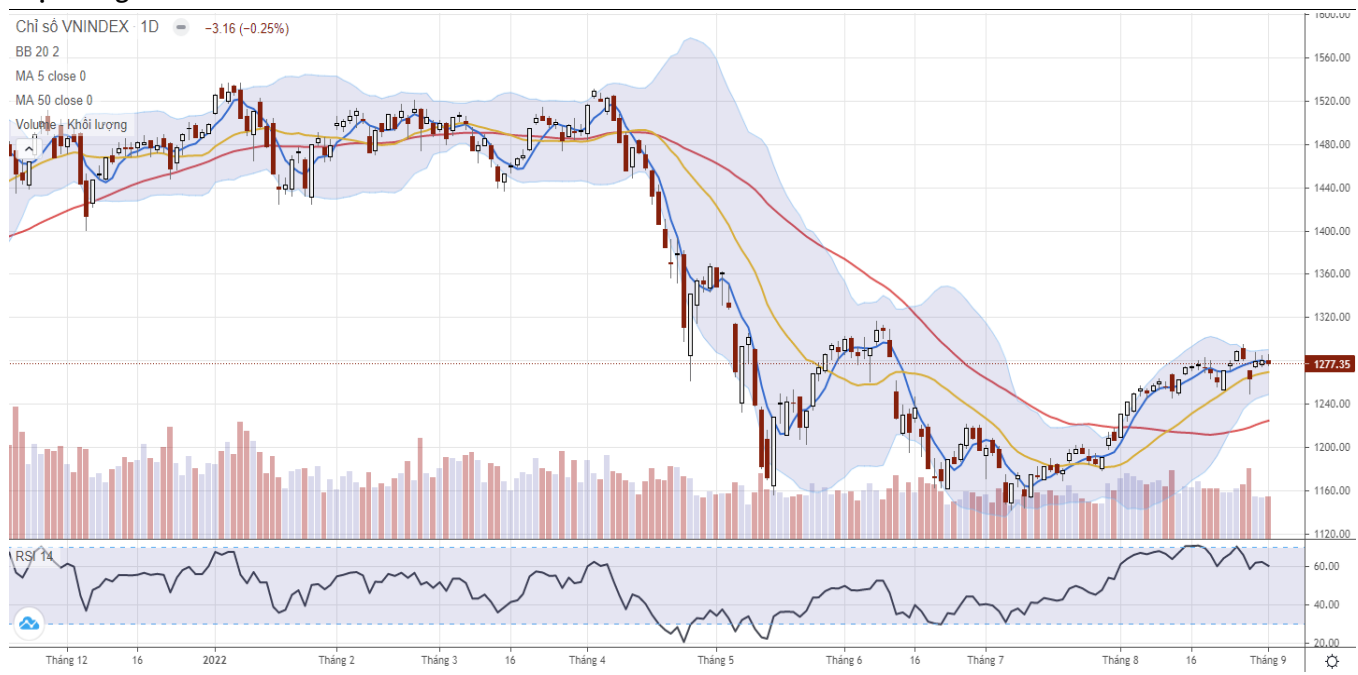
- TNG tăng 0.74% lên 27,100 VND/cp

- Đệt may TNG công bố kết quả kinh doanh tháng 8 với doanh thu đạt 696 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 8 tháng, doanh thu đạt 4,690 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 78% kế hoạch doanh thu năm 2022.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



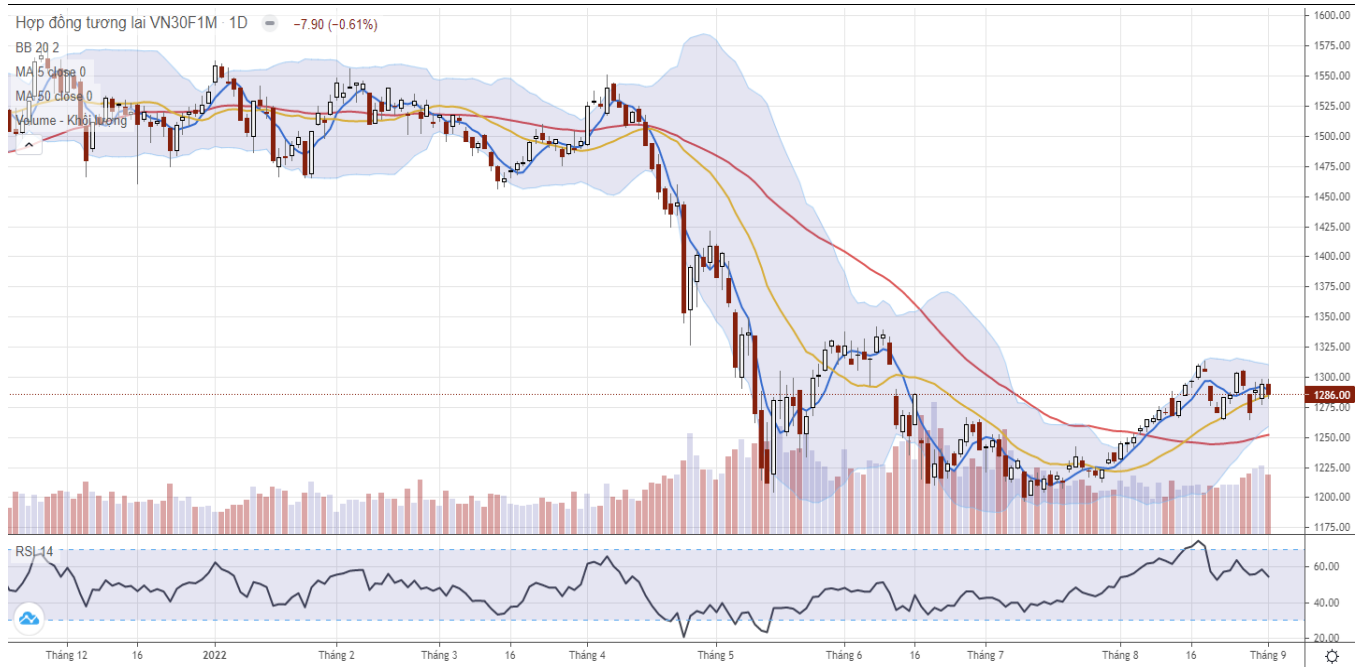
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm đầu phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giằng co về cuối phiên.
- Áp lực phân phối tiếp tục gia tăng quanh ngưỡng cản gần 128x khiến cho chỉ số đang đối mặt với rủi ro hình thành mẫu hình vai đầu vai nhỏ. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex nhiều khả năng sẽ quay xuống và kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ gần 1250 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1303 - 1305

Kháng cự gần: 1292 - 1295

Hỗ trợ gần: 1276 - 1279

Hỗ trợ xa: 1264 - 1269

- F1 tăng điểm đầu phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên.
- Áp lực bán tiếp tục gia tăng quanh ngưỡng cản gần 1300 khiến cho chỉ số đang đối mặt với rủi ro hình thành mô hình tam giác hướng xuống. Trong kịch bản tiêu cực, F1 nhiều khả năng sẽ quay xuống và kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ gần quanh 126x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

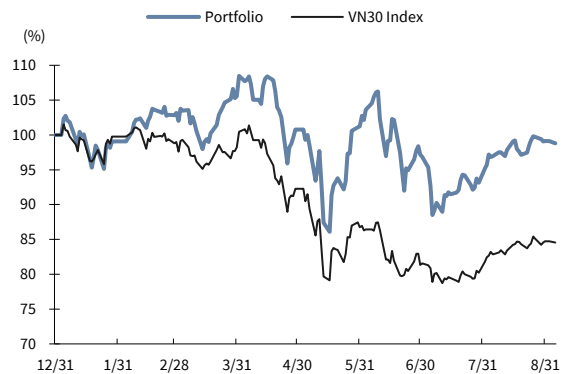
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.25%	-0.33%
Tăng lũy kế (YTD)	-15.47%	-1.20%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	72,500	-2.0%	87.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	25,800	0.4%	-9.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,300	-0.4%	49.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	179,500	-2.4%	-6.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	86,500	0.5%	192.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,200	-0.5%	255.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,950	-1.1%	47.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	116,400	-0.6%	58.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,900	3.9%	114.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	34,350	-1.0%	234.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	2.7%	54.9%	86.0
PVD	3.9%	8.9%	60.7
CMG	2.5%	40.7%	17.8
PVT	3.7%	14.3%	11.3
FTS	0.7%	20.6%	9.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVL	-0.5%	5.8%	-259.5
VCB	-1.7%	23.5%	-78.4
SSI	-1.3%	35.4%	-19.2
FUEVFNVD	-1.1%	97.2%	-31.3
BVH	1.9%	26.5%	-20.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.2%	9.6%	34.5
IDC	-1.1%	0.2%	5.4
PVI	-1.1%	58.5%	1.6
VCS	-1.3%	2.9%	0.9
EID	9.7%	21.9%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
APS	-0.6%	1.0%	-3.4
TNG	0.7%	4.6%	-2.5
PVC	2.7%	0.5%	-0.2
BTS	2.4%	0.2%	-0.1
DL1	-1.6%	3.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.7%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	6.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Ngành chứa phân loại	4.3%	CKG, PSH, NHH, ABS
Bảo hiểm	4.3%	BVH, MIG, BIC, BMI
Hóa chất	4.1%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-5.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-3.9%	PLX, PGC, CNL, GSP
Thiết bị điện	-3.6%	GEX, SAM, CAV, RAL
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.6%	TNH, JVC, VMD
Máy móc	-3.5%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chứa phân loại	23.4%	CKG, PSH, NHH, ABS
Cung cấp và dịch vụ thương mại	21.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	20.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	15.0%	REE, BCG, PET, EVG
Hóa chất	14.2%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-9.4%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	-6.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Thương mại & phân phối	-4.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Giấy & lâm sản	-3.5%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	-2.5%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	79,446 (3.4)	22.5	27.6	40.1	14.7	7.6	5.4	2.3	2.1	0.5	-2.9	-2.1	-32.7	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	119,241 (5.1)	26.6	8.7	7.1	35.9	21.2	22.0	1.8	1.5	0.0	0.0	-1.3	-25.6	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	42,151 (1.8)	17.8	25.8	18.4	-7.6	7.6	9.9	2.0	1.9	-0.5	-5.7	-4.8	-8.5	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	245,575 (10.5)	31.3	27.5	23.8	6.7	16.4	16.7	4.0	3.5	-0.5	-2.5	0.7	-10.4	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	33,571 (1.4)	11.6	18.7	17.3	13.7	13.0	12.8	2.2	2.0	-0.5	-3.7	-4.9	-20.6	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	282,966 (12.1)	13.9	15.5	14.2	-	11.5	11.2	-	-	-2.3	-8.0	-5.3	-26.0	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	90,522 (3.9)	6.3	14.5	12.0	11.7	21.8	22.5	2.8	2.3	-1.7	0.7	0.7	4.8	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	62,032 (2.6)	12.7	14.3	11.0	-5.3	17.4	19.9	2.0	1.7	-1.3	0.5	1.3	6.5	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	153,417 (6.6)	0.0	6.2	5.3	14.3	21.1	20.1	1.2	1.0	-0.9	-2.4	0.5	-22.8	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	107,238 (4.6)	1.4	7.2	5.8	50.3	19.7	22.1	1.2	1.1	-1.1	-2.6	-3.6	-17.6	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	425,753 (18.2)	0.0	7.3	7.2	18.8	20.9	17.3	1.4	1.2	-1.6	-2.0	6.6	-12.6	
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	228,325 (9.8)	0.0	6.3	5.5	14.6	24.5	23.6	1.4	1.1	-0.6	-0.2	5.1	-2.0	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	73,178 (3.1)	4.2	6.6	5.6	23.3	23.7	21.7	-	-	-1.1	-0.2	6.9	-14.4	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	254,713 (10.9)	14.0	10.9	4.8	26.5	12.0	21.2	1.2	1.0	-0.4	-3.7	-2.2	-21.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	47,646 (2.0)	0.0	7.2	5.5	37.4	21.6	22.0	1.4	1.1	0.0	-2.8	-2.8	-31.8	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	10,388 (0.4)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	-0.2	1.3	-0.3	-10.1		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	72,234 (3.1)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	1.9	4.6	1.4	6.4	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	10,504 (0.4)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.2	-1.1	4.5	-30.2	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	456,085 (19.5)	55.4	14.2	13.0	-3.2	11.8	12.1	-	-	-1.3	-7.1	-4.4	-51.3	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	240,535 (10.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.8	-2.7	7.0	-33.2	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	229,491 (9.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.3	-6.7	-4.5	-41.9	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	460,589 (19.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.4	-6.8	-2.7	-35.7	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	212,248 (9.1)	42.1	18.4	16.5	4.0	27.4	29.6	4.8	4.6	2.6	-0.5	6.7	-10.3	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,053 (1.1)	36.9	24.9	21.3	7.3	21.8	22.5	4.9	4.4	0.1	0.3	3.0	24.5	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	71,758 (3.1)	16.5	29.7	20.7	-51.9	14.9	17.9	4.3	3.6	0.9	2.4	10.5	-18.9	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	79,173 (3.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-5.8	-2.0	-45.2		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,197 (3.1)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	-1.3	-2.8	-5.1	-6.5	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	55,769 (2.4)	10.8	17.3	15.4	-57.0	13.7	14.1	2.3	2.1	0.6	-3.0	-1.5	8.0	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	196,797 (8.4)	38.4	8.2	43.8	65.7	14.3	2.4	1.1	1.1	-0.2	-5.0	11.5	-48.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	42,529 (1.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	245,474 (10.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.4	-4.5	3.4	-40.1	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	53,514 (2.3)	3.6	284.1	13.6	-52.4	0.2	4.6	-	-	-1.4	-0.7	12.8	-34.9	
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	100,339 (4.3)	0.0	12.7	12.1	-4.5	16.0	14.8	1.8	1.6	0.5	1.5	6.8	44.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	58,596 (2.5)	46.1	15.1	16.2	-17.5	25.3	22.0	3.7	3.4	-0.6	-0.1	6.3	21.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	32,253 (1.4)	31.4	10.8	10.6	-10.5	18.2	16.8	1.7	1.6	1.6	7.8	5.7	5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,097 (0.1)	34.1	21.6	9.8	-5.1	4.7	9.9	1.2	1.1	0.8	3.4	4.0	-23.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	667,162 (28.5)	18.0	5.6	4.9	21.9	22.7	22.9	1.2	1.1	3.9	0.2	2.6	-33.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	160,337 (6.8)	36.5	4.6	7.3	-0.5	40.0	22.4	1.6	1.5	0.9	7.6	15.8	10.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	176,494 (7.5)	46.5	6.6	9.5	-4.5	38.3	22.2	-	-	2.3	8.2	18.4	4.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	268,040 (11.4)	38.9	8.1	6.7	67.9	12.3	13.4	0.9	0.8	7.0	1.6	8.5	-40.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	54,550 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.8	-4.0	-5.6	-41.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	69,336 (3.0)	4.6	27.8	15.1	-51.0	5.8	10.8	2.2	2.1	-0.7	-4.6	0.6	-22.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	224,555 (9.6)	39.9	163.2	21.1	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	3.9	2.4	27.6	-4.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	57,664 (2.5)	35.9	8.8	8.3	2.2	16.0	15.5	1.3	1.2	3.7	1.8	7.6	-6.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	275,728 (11.8)	0.0	17.9	14.0	14.4	25.7	27.2	3.4	2.8	-2.0	6.0	15.6	6.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	70,575 (3.0)	0.0	15.8	13.7	2.4	25.3	22.5	3.1	2.7	-0.4	-2.0	-0.5	18.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,066 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-4.0	12.9	-14.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	172,967 (7.4)	30.3	19.4	16.1	-75.2	26.8	25.4	4.6	3.6	0.9	3.0	22.4	37.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	60,650 (2.6)	34.6	10.2	13.8	41.2	30.4	148.1	2.6	2.1	2.1	3.6	3.4	1.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	810 (0.0)	45.4	13.7	12.6	10.7	22.2	21.7	-	-	0.4	-2.0	-0.1	-19.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	141,876 (6.1)	0.0	17.6	14.3	15.5	29.3	28.5	4.4	3.4	-0.5	-0.1	0.5	11.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.